



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 32

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty điều hành Công ty tại ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Huy Thành	Chủ tịch
Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Thành viên
Ông Dương Quang Đông	Thành viên
Bà Vương Bảo Yến	Thành viên
Bà Trần Thúy Loan	Thành viên

#### **Ban giám đốc**

Ông Phạm Đình Trung	TGD (Miễn nhiệm ngày 01/06/2021)
Ông Dương Quang Đông	Phó TGD
Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Phó TGD

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Phạm Tuyết Nhung	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mai	Thành viên

#### **Đại diện pháp luật**

Ông Phạm Huy Thành	Chủ tịch HĐQT
--------------------	---------------

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Số 906 Nguyễn Khoái, Tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

---

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



---

**Phạm Huy Thành**

**Chủ tịch HĐQT**

*Ngày 18 tháng 03 năm 2022*

Số: 14903/2022/BCTC-KTV/HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18/03/2022, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, Ngày 18 tháng 03 năm 2022

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn  
Đất Việt tại Hà Nội**



**ĐỖ THỊ THU HUYỀN – Phó Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2991-2020-037-1

**TRẦN THỊ THANH TÚ - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3372-2020-037-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>594.476.758.557</b>	<b>504.771.634.730</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>137.343.975.299</b>	<b>20.440.647.731</b>
1. Tiền	111	V.1	137.343.975.299	20.440.647.731
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>262.449.335.276</b>	<b>391.180.284.544</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	144.816.690.043	158.628.931.534
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	111.723.772.287	215.416.974.281
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	5.970.156.446	17.195.662.229
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(61.283.500)	(61.283.500)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>191.936.313.594</b>	<b>92.832.258.192</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	191.936.313.594	92.832.258.192
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.747.134.388</b>	<b>318.444.263</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	25.269.379	2.001.212
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.721.865.009	316.443.051
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>308.903.419.504</b>	<b>279.191.075.403</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>57.837.890.079</b>	<b>46.260.423.142</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	57.837.890.079	46.260.423.142
- Nguyên giá	222		86.024.860.391	65.279.500.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.186.970.312)	(19.019.077.249)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.352.691.213</b>	<b>3.876.277.334</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.352.691.213	3.876.277.334
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.8</b>	<b>230.400.000.000</b>	<b>229.000.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		202.000.000.000	178.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.400.000.000	51.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.312.838.212</b>	<b>54.374.927</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	13.312.838.212	54.374.927
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>903.380.178.061</b>	<b>783.962.710.133</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>87.845.076.692</b>	<b>50.161.418.979</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>86.204.568.384</b>	<b>49.708.585.663</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	23.181.147.750	15.007.434.180
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.634.346.290	2.957.328.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	18.550.942.465	7.264.190.929
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		12.593.902.391	11.300.812.416
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11a	27.654.100.008	12.870.000.008
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		590.129.480	308.820.130
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.640.508.308</b>	<b>452.833.316</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11b	1.640.508.308	452.833.316
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>815.535.101.369</b>	<b>733.801.291.154</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>815.535.101.369</b>	<b>733.801.291.154</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		723.552.780.000	680.952.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		723.552.780.000	680.952.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(105.794.733)	(105.794.733)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.950.219.860	2.088.291.811
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.137.896.242	50.866.794.076
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.116.776.676	22.135.859.110
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		82.021.119.566	28.730.934.966
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>903.380.178.061</b>	<b>783.962.710.133</b>



**Phạm Huy Thành**  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 18 tháng 03 năm 2022

**Nguyễn Thị Bích**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Quyên**  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	883.491.095.448	717.236.303.543
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	883.491.095.448	717.236.303.543
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	782.651.995.978	674.772.937.018
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		100.839.099.470	42.463.366.525
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.164.687.887	11.476.229
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	783.785.982	1.378.289.634
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		783.785.982	1.378.289.634
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.028.975.846	891.149.106
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.400.856.052	4.038.227.085
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		102.790.169.477	36.167.176.929
11. Thu nhập khác	31		3	-
12. Chi phí khác	32		80.060.772	142.904.786
13. Lợi nhuận khác	40		(80.060.769)	(142.904.786)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		102.710.108.708	36.024.272.143
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	20.688.989.142	7.293.337.177
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		82.021.119.566	28.730.934.966
18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.8	1.134	566



Phạm Huy Thành  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 18 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thị Bích  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quyên  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>102.710.108.708</b>	<b>36.024.272.143</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.167.893.063	8.380.857.367
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.164.687.887)	(11.476.229)
- Chi phí lãi vay	06		783.785.982	1.378.289.634
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>103.497.099.866</b>	<b>45.771.942.915</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		126.325.527.310	(203.789.346.901)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(99.104.055.402)	(47.275.856.316)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.127.466.289	(13.364.667.386)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(13.281.731.452)	(23.458.711)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			(1.383.370.862)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(783.785.982)	(4.728.516.866)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.385.882.061)	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.000.000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>117.388.638.568</b>	<b>(224.793.274.127)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(24.221.773.879)	(3.876.277.334)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(37.400.000.000)	(16.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		45.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		164.687.887	11.476.229
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(16.457.085.992)</b>	<b>(19.864.801.105)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			262.552.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		42.030.300.000	52.708.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(26.058.525.008)	(56.832.000.008)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(12.869.538.980)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>15.971.774.992</b>	<b>245.558.461.012</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>116.903.327.568</b>	<b>900.385.780</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		20.440.647.731	19.540.261.951
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	137.343.975.299	20.440.647.731



Phạm Huy Thành  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 18 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thị Bích  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quyên  
Người lập biểu



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

### I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 0102382580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2007, Thay đổi lần thứ 20 ngày 10/11/2021;

#### Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng. Chi tiết: Sản xuất vật phóng điện, đèn nóng sáng, đèn huỳnh quang, đèn tia cực tím, đèn dùng hồng ngoại, đèn, thiết bị phụ và bóng đèn; sản xuất đèn bàn (đồ chiếu sáng cố định).
  - Xây dựng nhà các loại
  - Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
  - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi và các công trình đô thị nhóm B,C; Xây dựng công trình giao thông thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình cấp thoát nước, công trình dây trạm biến áp thể điện 35kw.
  - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; bán buôn xi măng; bán buôn gạch xây dựng, ngói, đá, cát, sỏi; bán buôn kính xây dựng; bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; bán buôn đồ ngũ kim; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện tử); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); bán buôn máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư y tế (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
  - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản;
- Trụ sở chính của Công ty tại:** Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.  
**Văn phòng giao dịch tại:** Số 9 Ngách 61/4 Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam  
**Nhà máy của công ty đặt tại:** Xóm Ao Kênh, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### 1. Giả thiết về hoạt động liên tục

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiến hành lập Báo cáo tài chính trên giả định hoạt động liên tục.

#### 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

#### 3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính, trong đó:

***Nợ phải thu quá hạn thanh toán:***

Mức trích lập dự phòng

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

***Nợ phải thu khác:***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên giá***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05
Máy móc và thiết bị	03-07
Phương tiện vận tải	06
Phần mềm máy tính	03-05
Tài sản khác	04
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

**5. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty.

**6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**7. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**8. Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**9. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**10. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

***Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**11. Thuế**

***Thuế thu nhập hiện hành***

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	3.581.403.973	1.643.348.142
Tiền gửi ngân hàng	133.762.571.326	3.797.299.589
Các khoản tương đương tiền	-	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>137.343.975.299</b>	<b>20.440.647.731</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty cổ phần HAWEE Xây Dựng Công nghiệp	1.509.247.261	16.845.428.050
- Công ty Cổ phần Meppro	28.890.032.684	16.724.134.341
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Nam thắng long	-	31.437.748.760
- Công ty TNHH Ánh Sáng Tiến Dư	14.344.459.440	18.902.591.740
- Công ty TNHH Thương Mại Tư Vấn CH	23.256.204.196	-
- Công ty TNHH Tư Vấn và Thương mại Đại An	22.647.634.270	-
- Các khách hàng khác	54.169.112.192	74.719.028.643
<b>Cộng</b>	<b>144.816.690.043</b>	<b>158.628.931.534</b>

**3. Trả trước cho người bán**

	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH Xây Dựng và Thương mại Kim Khí Thành Hưng	-	14.734.705.140
- Công ty TNHH VIDEKO Hà Thành	45.733.797.734	78.268.475.969
- Công ty TNHH Thương Mại Hà Vĩnh	-	40.000.000.000
- Công ty Cổ phần Vân Phong Toàn Cầu	62.866.292.730	81.438.785.076
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.123.681.823	975.008.096
<b>Cộng</b>	<b>111.723.772.287</b>	<b>215.416.974.281</b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tạm ứng	5.970.000.000	-	17.195.558.312	-
- Phải thu khác	156.446	-	103.917	-
<b>Cộng</b>	<b>5.970.156.446</b>	<b>-</b>	<b>17.195.662.229</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**5. Hàng tồn kho**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	104.541.734.553	-	22.097.590.466	-
- Hàng hóa	64.449.390.577	-	47.629.976.419	-
- Thành phẩm	22.945.188.464	-	23.104.691.307	-
<b>Cộng</b>	<b>191.936.313.594</b>	<b>-</b>	<b>92.832.258.192</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí trả trước dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>25.269.379</b>	<b>2.001.212</b>
- Các khoản khác	25.269.379	2.001.212
<b>b. Dài hạn</b>	<b>13.312.838.212</b>	<b>54.374.927</b>
- Chi phí sửa chữa văn phòng, phòng giao dịch	13.256.106.393	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	56.731.819	54.374.927
<b>Cộng</b>	<b>13.338.107.591</b>	<b>56.376.139</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	21.578.921.664	41.668.114.759	1.909.368.727	123.095.241	65.279.500.391
Mua trong kỳ	-	16.147.760.000	4.597.600.000	-	20.745.360.000
Phân loại lại	-	88.095.241	-	(88.095.241)	-
Số dư cuối kỳ	21.578.921.664	57.903.970.000	6.506.968.727	35.000.000	86.024.860.391
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	7.744.551.716	10.281.975.208	869.455.084	123.095.241	19.019.077.249
Khấu hao trong kỳ	2.188.386.636	6.162.285.224	817.221.203	-	9.167.893.063
Phân loại lại	-	88.095.241	-	(88.095.241)	-
Số dư cuối kỳ	9.932.938.352	16.532.355.673	1.686.676.287	35.000.000	28.186.970.312
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	13.834.369.948	31.386.139.551	1.039.913.643	-	46.260.423.142
Tại ngày cuối kỳ	11.645.983.312	41.371.614.327	4.820.292.440	-	57.837.890.079

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.008.241.454 VND.

Giá trị còn lại của Tài sản cố định Hữu Hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay: 4.820.292.440 VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>* Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>202.000.000.000</b>	-	<b>178.000.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL (1)	48.000.000.000	-	48.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sơn Phú Yên (2)	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Zone Việt (3)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung (4)	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Green Island (5)	40.000.000.000	-	16.000.000.000	-
<b>* Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>28.400.000.000</b>	-	<b>51.000.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến (6)	13.400.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần PJACA GROUP (7)	-	-	36.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần PIACA Phú Yên (8)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>230.400.000.000</b>	-	<b>229.000.000.000</b>	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

*Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:*

	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>			
- Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL	40,00%	40,00%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ;
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sơn Phú Yên	48,00%	48,00%	Các dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng
- Công ty Cổ phần Zone Việt	40,00%	40,00%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	41,67%	41,67%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Green Island	20,00%	20,00%	Dịch vụ sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>			
- Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến	5,00%	5,00%	Cung cấp các dịch vụ thể thao, du lịch
- Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	15,00%	15,00%	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa

**(1) Công ty CP VCADO GLOBAL**

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 67/QĐ-VN của Công ty ngày 30/03/2015 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần MBG Công nghệ và Truyền thông (đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Vcado Global) số tiền góp vốn là 12.000.000.000 VND tương đương 40% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên từ trước thời điểm 31/12/2015.
- Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12121/NQ-HĐQT ngày 12/12/2018, Công ty góp thêm 36.000.000.000 VND, tổng số vốn góp là 48.000.000.000 VND, chiếm 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vcado Global, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vcado Global là 120.000.000.000 VND.
- Hiện tại Công ty Cổ phần Vcado Global đang hoạt động kinh doanh bình thường; ngành nghề đang hoạt động là xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ, phát triển hệ thống bán hàng thương mại điện tử.
- Năm 2021 hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi 39.660.572 VND. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ là 1.750.456.798 VND, doanh thu hoạt động tài chính là 120.350.841 VND. Tại ngày 31/12/2021 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 297.575.631 VND, vốn chủ sở hữu là 120.297.575.631 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Quận Hoàng Mai,  
TP. Hà Nội, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**(2) Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên**

- Theo Quyết định Hội đồng quản trị số 140901/QĐ-HĐQT ngày 14/09/2017 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên, tổng số vốn góp 18.000.000.000 VND chiếm 60% vốn điều lệ của MBG Lạc Sanh Phú Yên.
- Theo Quyết định Hội đồng quản trị số 111201/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 11/12/2017 về việc không mua thêm cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên làm giảm tỷ lệ sở hữu phần vốn góp của Công ty từ 60% vốn điều lệ xuống còn 36%.
- Theo Quyết định Hội đồng quản trị số 110701/2019/QĐ-HĐQT ngày 11/07/2019 về việc thay đổi người đại diện phần vốn góp và nhận chuyển nhượng phần vốn góp trị giá 6.000.000.000 VND để nâng phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên từ 18.000.000.000 VND lên 24.000.000.000 VND, chiếm 48% tổng số vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên.
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư số 1414/QĐ-UBND Tỉnh Phú Yên ngày 10/09/2019 đối với dự án "Du lịch nghỉ dưỡng suối khoáng nóng Lạc Sanh" với tổng vốn đầu tư khoảng 196,65 tỷ đồng mục đích phục vụ nhu cầu du lịch của du khách trong và ngoài nước, góp phần phát triển ngành du lịch tỉnh Phú Yên. Công ty đang triển khai và hoàn tất các thủ tục đầu tư theo kế hoạch đã được UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt.
- Đến thời điểm hiện tại công ty đang thực hiện đền bù đất cho dự án và đã hoàn thành đền bù, giải phóng mặt bằng 90% đất thực hiện dự án. Ngoài ra công ty đang trình phê duyệt nhiệm vụ 1/500 và các thủ tục pháp lý chuẩn bị đầu tư khác.
- Năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi 64.912.209 đồng, doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ là 2.502.530.000 đồng, doanh thu hoạt động tài chính là 166.677.209 đồng. Tại ngày 31/12/2021 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 384.939.827 đồng, vốn chủ sở hữu là 50.384.939.827 đồng.

Người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Phạm Huy Thành.

**(3) Công ty Cổ phần Zone Việt**

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 231101/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 23/11/2017 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của công ty tại Công ty Cổ phần MBG Hòa Bình (nay đổi tên là Công ty Cổ phần Zone Việt) số tiền góp vốn là 40.000.000.000 đồng tương đương 40% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 30/11/2017.
- Hiện tại Công ty Cổ phần Zone Việt đang hoạt động kinh doanh bình thường; ngành nghề đang hoạt động là Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ và đang trong giai đoạn nghiên cứu thực hiện dự án tại Hòa Bình.
- Năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi 49.678.839 đồng, doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ là 44.640.310.940 VND, doanh thu hoạt động tài chính là 164.254.467 VND. Tại ngày 31/12/2021 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 241.601.901 đồng, vốn chủ sở hữu là 100.241.601.901 VND.

**4) Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung**

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 140901/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 14/09/2018 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của công ty tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung, số tiền góp vốn là 80.000.000.000 đồng tương đương 66,67% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 27/12/2018.
- Ngày 19/11/2018 Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung được chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án: "Nhà máy sản xuất sơn và chất phủ bê mặt số 1" theo quyết định số 150/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Phú Yên, BQL Khu kinh tế Phú Yên, BQL Khu kinh tế Phú Yên với tổng mức đầu tư 300 tỷ đồng. Công ty đã hoàn hành các thủ tục chuẩn bị đầu tư như: Xin cấp thông tin quy hoạch, môi trường, thẩm duyệt thiết kế và phòng cháy chữa cháy, đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép xây dựng...



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Quận Hoàng Mai,

TP. Hà Nội, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 12/1101/2019/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 12/11/2019 về việc chào bán phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung với giá trị chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần, mệnh giá chào bán 11.000 đồng/cổ phần tương đương với số tiền 33.000.000.000 VND
- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 091/201/2019/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 09/12/2019 về việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty CP Công nghiệp Miền Trung với giá trị chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần, mệnh giá chào bán 11.000 đồng/cổ phần tương đương với số tiền 33.000.000.000 đồng. Ngày 24/12/2019, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần cho các đối tác với giá chuyển nhượng là 11.000 đồng/cổ phần. Sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng Công ty còn sở hữu 50.000.000.000 VND vốn góp tương đương với 5.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung chiếm tỷ lệ sở hữu 41,67% vốn điều lệ.
- Theo quyết định số 90/QĐ-BQLKKT ngày 02 tháng 08 năm 2021 UBND Tỉnh Phú Yên, BQL Tỉnh Phú Yên về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của dự án: "Nhà máy lắp ráp thiết bị điện" đã được Ban quản lý khu kinh tế Phú Yên chấp thuận tại Quyết định số 150/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 V/v điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án." Nhà máy sản xuất sơn và chất phủ bề mặt số 1" của công ty với nội dung điều chỉnh dự án đầu tư: "Lắp ráp thiết bị chiếu sáng led, lắp ráp tấm pin mặt trời; lắp ráp pin tính điện năng lượng mặt trời".
- Hiện tại công ty đã hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư và triển khai khởi công xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và đưa dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh .
- Công ty Công nghiệp Miền Trung đang trong giai đoạn đầu tư dự án chưa hình thành tài sản cố định nên chưa phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Năm 2021 doanh thu thu hoạt động tài chính là 612.544.996 đồng. Tại ngày 31/12/2021 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 445.464.115 VND, vốn chủ sở hữu là 120.445.464.115 VND.

**(5) Công ty Cổ phần Green Island**

- Theo Quyết định số 2231/UBND-NNTN ngày 18 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Hoà Bình chủ trương cho Công ty CP Tập đoàn MBG nghiên cứu, khảo sát, lập dự án: "Biệt thự nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Green Island "tại Đảo Xanh, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, UBND tỉnh có ý kiến đồng ý chủ trương cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG được nghiên cứu, khảo sát lập dự án Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí trên khu đất có diện tích khoảng 16,3 ha tại Đảo Xanh, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình. Với tổng mức đầu tư 824.539.000.000 VND. Công ty đã được Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Từ Liêm cam kết cấp tín dụng số GI21BE9743 để thực hiện dự án số tiền là 659.631.000.000 VND.
- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 0611/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 06/11/2020 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của công ty tại Công ty Cổ phần Green Island, số tiền góp vốn là 16.000.000.000 VND tương đương 20% vốn điều lệ.
- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 1203/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 12/03/2021 về việc tăng góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của công ty tại Công ty Cổ phần Green Island. Vốn đã góp tại Công ty Cổ phần Green Island 16.000.000.000 VND (Mười sáu tỷ đồng) tăng lên: 40.000.000.000 VND (Bốn mươi tỷ đồng) chiếm 20% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Green Island. Đến 30/06/2021 Công ty đã góp 40.000.000.000 VND (Bốn mươi tỷ đồng).
- Hiện tại, dự án "Biệt thự nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Green Island" đang trong giai đoạn đầu tư, chưa hình thành tài sản cố định nên chưa phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Năm 2021 doanh thu hoạt động tài chính là 365.709.528 đồng. Tại ngày 31/12/2021 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 185.698.993 đồng, vốn chủ sở hữu là 200.185.698.993 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Quận Hoàng Mai,  
TP. Hà Nội, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**(6) Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến (Đã thoái vốn)**

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến theo Quyết định của hội đồng quản trị số 0601/2021/QĐ-HĐQT ngày 06 tháng 01 năm 2021; Giá trị vốn góp 13.400.000.000 đồng chiếm 5% vốn điều lệ của công ty; Người đại diện pháp luật của công ty là ông Phạm Mạnh Cường
- Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến vẫn đang trong giai đoạn xin cấp phép triển khai dự án. Ngày 03/03/2021 công ty nhận được quyết định số 455/QĐ-UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở sinh thái Quang Tiến và quyết định số 457/QĐ-UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt nhiệm vụ Quy Hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu phức hợp sân Golf và dịch vụ thể thao Quang Tiến.
- Theo quyết định của Hội đồng quản trị số 2001/2022/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 20/01/2022 về việc thoái vốn tại công ty cổ phần Golf Quốc Tế Quang Tiến. Ngày 24/01/2022 công ty đã hoàn thành việc thoái vốn tại công ty cổ phần Golf Quốc Tế Quang Tiến. Công ty cổ phần tập đoàn MBG và công ty cổ phần Golf Quốc Tế Quang Tiến không còn là bên liên quan. Việc thoái vốn thành công này đã đem lại lợi nhuận doanh thu hoạt động tài chính là 5.360.000.000 VNĐ (Năm tỷ, ba trăm sáu mươi triệu đồng./)

**(7) Công ty CP PJACA GROUP(Đã thoái vốn)**

- Theo quyết định của Hội đồng quản trị số 13/QĐ ngày 24/12/2015, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Phát Việt Nam (đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Pjaca Group) số tiền góp vốn là 24.000.000.000 đồng tương đương 30% vốn điều lệ. Sau khi công ty cổ phần Pjaca Group tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ, công ty chiếm 12% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên từ trước thời điểm 31/12/2015.
- Khi vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Pjaca Group tăng lên 300 tỷ thì theo quyết định của Hội đồng quản trị số 200901/QĐ-HĐQT ngày 20/09/2018 về việc mua thêm cổ phần của Pjaca Group, ngày 26/09/2018 Công ty góp thêm 12.000.000.000 đồng nâng số vốn góp của Công ty tại Pjaca Group lên 36.000.000.000 đồng tương đương chiếm 12% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Pjaca Group.
- Hiện tại Pjaca Group đang hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty Cổ phần Pjaca Group là Ông Nguyễn Thành Trung
- Theo quyết định của Hội đồng Quản trị số 2909 /QĐ-HĐQT ngày 09/09/2021 về việc thoái vốn tại công ty cổ phần Pjaca Group. Ngày 01/10/2021 công ty đã hoàn thành việc thoái vốn tại Pjaca Group. Công ty cổ phần tập đoàn MBG và công ty Pjaca group không còn là bên liên quan. Việc thoái vốn này đã đem lại lợi nhuận doanh thu hoạt động tài chính là 9.000.000.000 VNĐ (Chín tỷ đồng./)

**(8) Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên**

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 170901/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 17/09/2018 về việc góp vốn và chi định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên, số tiền góp vốn là 15.000.000.000 đồng tương đương 15% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 04/10/2018.
  - Ngày 19/11/2018 Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên được chấp thuận chủ trương đầu tư: “Nhà máy sản xuất nhựa, bao bì cao cấp” theo quyết định số 151/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Phú Yên, BQL Khu kinh tế Phú Yên với tổng mức đầu tư 200 tỷ đồng.
  - Hiện nay dự án đã hoàn thành các thủ tục: cấp phép xây dựng, PCCC..., và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 067494 ngày 30/08/2019 do sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Phú Yên cấp. Công ty đã khởi công dự án xây dựng và đang hoàn thành giai đoạn 1: san lấp mặt bằng, nhà xưởng số 2, hàng rào, hạ tầng kỹ thuật nhà máy.
  - Công ty CP PJACA Phú Yên đang trong giai đoạn đầu tư dự án nên chưa phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Năm 2021 doanh thu hoạt động tài chính là 662.091.584 đồng. Tại ngày 31/12/2021 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 1.163.692.128 đồng, vốn chủ sở hữu là 101.163.692.128 đồng.
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Đặng Thị Tuyết Lan.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Phát triển Hạ tầng Việt Nam	6.315.019.250	6.315.019.250	-	-
- Công ty TNHH Tư Vấn và Thương Mại Đông Á	16.866.128.500	16.866.128.500	12.493.128.560	12.493.128.560
- Công ty Cổ Phần Tập đoàn R&H	-	-	2.514.305.620	2.514.305.620
- Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư South street	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>23.181.147.750</b>	<b>23.181.147.750</b>	<b>15.007.434.180</b>	<b>15.007.434.180</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	273.765	273.765	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.247.835.384	20.688.989.142	9.385.882.061	18.550.942.465
Thuế thu nhập cá nhân	16.355.545	6.357.692	22.713.237	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	142.904.786	142.904.786	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.264.190.929</b>	<b>20.843.525.385</b>	<b>9.556.773.849</b>	<b>18.550.942.465</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**11. Vay và các khoản nợ thuê tài chính**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	27.654.100.008	27.654.100.008	40.842.625.008	26.058.525.008	12.870.000.008	12.870.000.008
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ (1)	26.941.800.000	26.941.800.000	39.703.800.000	25.385.000.000	12.623.000.000	12.623.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - CN Đồng Đa	8.451.800.000	8.451.800.000	8.451.800.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Sở giao dịch (MSB) (2)	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>						
Công ty TNHH MTV tài chính Toyota Việt Nam (3)	712.300.008	712.300.008	1.138.825.008	673.525.008	247.000.008	247.000.008
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ (4)	247.000.008	247.000.008	247.000.008	247.000.008	247.000.008	247.000.008
<b>b. Vay dài hạn</b>						
Công ty TNHH MTV tài chính Toyota Việt Nam (3)	465.300.000	465.300.000	891.825.000	426.525.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ (4)	1.640.508.308	1.640.508.308	2.326.500.000	782.675.004	452.833.316	452.833.316
<b>Cộng</b>	29.294.608.316	29.294.608.316	43.169.125.008	26.841.200.012	13.322.833.324	13.322.833.324

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 49525.21.051.1970764 ngày 04/10/2021. Số tiền vay: 8.451.800.000 VND; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất vay: 5,3%/năm.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 1612021/HĐTD ngày 23/08/2021 giữa Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt nam Chi nhánh Sở Giao dịch (MSB) và Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG. Số tiền vay 18.490.000.000 VND ; Thời hạn vay 03 tháng. Lãi suất 6,2% năm; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 1000405327 ngày 30/10/2019 với Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam. Giá trị khoản vay: 988.000.000.000 VND. Thời hạn vay: 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota. Lãi suất: 6,99%/năm áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh 3 tháng/lần Tài sản đảm bảo: xe ô tô con 5 chỗ hiệu Toyota màu đen  
Lịch thanh toán và lãi suất: Khoản vay được thanh toán thành 48 kỳ; số tiền nợ gốc thanh toán mỗi kỳ là 20.583.334 VND
- (4) Hợp đồng vay số 6967.21.051.1970764 ngày 02/02/2021 với Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ. Hạn mức cho vay: 2.326.500.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Vay thanh toán tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng bán hàng số: HAN2021-0004 ký ngày 21/01/2021 giữa chi nhánh Công ty CP Liên Á Quốc tế và Công ty CP tập đoàn MBG  
Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân  
Tài sản đảm bảo: xe ô tô; số khung: WAUZZZ4MXLD015453; số máy: DCB210618; biển kiểm soát 30G-859.54 do phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp. Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa: 55%.  
Lịch thanh toán và lãi suất: Khoản vay được thanh toán thành 60 kỳ; số tiền nợ gốc thanh toán mỗi kỳ là 38.775.000 VND.

**12. Vốn chủ sở hữu**

**12.1. Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>					
Số dư đầu năm	418.400.000.000	-	1.453.059.074	35.534.836.094	455.387.895.168
Tăng vốn (ii)	262.552.000.000			-	262.552.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	28.730.934.966	28.730.934.966
Giảm khác		(105.794.733)			(105.794.733)
Chia cổ tức	-		635.232.737	(13.398.976.984)	(12.763.744.247)
Số dư cuối năm	680.952.000.000	(105.794.733)	2.088.291.811	50.866.794.076	733.801.291.154
<b>NĂM NAY</b>					
Số dư đầu năm	680.952.000.000	(105.794.733)	2.088.291.811	50.866.794.076	733.801.291.154
Tăng vốn	42.600.780.000	-			42.600.780.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	82.021.119.566	82.021.119.566
Tăng/ giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	861.928.049	(1.149.237.400)	(287.309.351)
Chia cổ tức(*)	-			(42.600.780.000)	(42.600.780.000)
Số dư cuối kỳ	723.552.780.000	(105.794.733)	2.950.219.860	89.137.896.242	815.535.101.369

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

(\*Nghi quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 1005/2021/MBG/BB-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 05 năm 2021 Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2019 và năm 2020 với tỷ lệ lần lượt là 5% và 3%.

(i) Đơn vị đã hoàn thành sử dụng vốn từ đợt phát hành riêng lẻ 25.000.000 cổ phiếu năm 2020. Chi tiết tại Phụ lục I

**12.2 Cổ phiếu**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	72.355.278	68.095.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	72.355.278	68.095.200
Cổ phiếu phổ thông	72.355.278	68.095.200
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	72.355.278	68.095.200
Cổ phiếu phổ thông	72.355.278	68.095.200
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Doanh thu</b>	<b>883.491.095.448</b>	<b>717.236.303.543</b>
Doanh thu bán hàng hóa	562.747.047.150	467.182.085.682
Doanh thu sản xuất, dịch vụ xây lắp	320.744.048.298	250.054.217.861
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>883.491.095.448</b>	<b>717.236.303.543</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng bán	503.873.423.769	440.766.404.929
Giá vốn xây lắp	278.778.572.209	234.006.532.089
<b>Cộng</b>	<b>782.651.995.978</b>	<b>674.772.937.018</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	164.687.887	11.476.229
Lãi từ chuyển nhượng vốn	9.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>9.164.687.887</u></b>	<b><u>11.476.229</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	783.785.982	1.378.289.634
<b>Cộng</b>	<b><u>783.785.982</u></b>	<b><u>1.378.289.634</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	1.028.975.846	817.643.847
Chi phí khấu hao tài sản	-	73.505.259
<b>Cộng</b>	<b><u>1.028.975.846</u></b>	<b><u>891.149.106</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.669.273.930	1.658.311.605
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	380.284.160	95.941.740
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.027.106.823	656.099.208
Thuế phí và lệ phí	31.966.666	31.966.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	992.128.069	1.403.907.866
Chi phí khác bằng tiền	300.096.404	192.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.400.856.052</u></b>	<b><u>4.038.227.085</u></b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>102.710.108.708</b>	<b>36.024.272.143</b>
<b>Điều chỉnh tăng</b>	<b>544.603.629</b>	<b>214.904.786</b>
Chi phí đã khấu trừ thuế từ các năm trước		
Chi phí không hợp lý hợp lệ	544.603.629	214.904.786

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	103.254.712.337	36.239.176.929
Thu nhập miễn thuế	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>103.254.712.337</b>	<b>36.239.176.929</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	38.046.675	45.501.791
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>20.688.989.142</b>	<b>7.293.337.177</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	82.021.119.566	28.730.934.966
Các khoản điều chỉnh:	-	(479.309.350)
- <i>Quý khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	-	(479.309.350)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	723.552.780.000	28.251.625.616
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	72.355.278	49.899.282
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.134</b>	<b>566</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	92.983.228.592	95.727.914.287
Chi phí nhân công	11.143.969.056	12.409.384.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.167.893.063	8.380.857.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	243.252.059.468	197.106.716.510
Chi phí khác bằng tiền	496.663.074	223.966.666
<b>Cộng</b>	<b>357.043.813.253</b>	<b>313.848.839.085</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

(Đơn vị tính: VND)

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Pjaca Group	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Vcado Global	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên	Công ty liên kết/ cùng người đại diện pháp luật là ông Phạm Huy Thành
- Công ty Cổ phần Zone Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	Người đại diện pháp luật là thành viên HĐQT MBG đồng thời là vợ ông Phạm Huy Thành-Người đại diện pháp luật MBG
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	Công ty liên kết/ cùng người đại diện pháp luật là ông Phạm Huy Thành
- Công ty Cổ phần Green Island	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến	Người đại diện pháp luật là ông Phạm Mạnh Cường – Anh trai Ông Phạm Huy Thành-Người đại diện pháp luật MBG
- Ông Phạm Huy Thành	Chủ tịch HĐQT- Người đại diện pháp luật Công ty
- Bà Đặng Thị Tiệp	Mẹ vợ ông Phạm Huy Thành – Người đại diện pháp luật Công ty

*Số dư với các bên liên quan*

Bên liên quan	Số dư	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	Người mua trả tiền trước	1.728.668.400	1.728.668.400

**Giao dịch với bên liên quan**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
- Ông Phạm Huy Thành	Thuê văn phòng	120.000.000
- Bà Đặng Thị Tiệp	Thuê văn phòng	48.000.000
- Công ty Cổ phần Green Island	Góp vốn	24.000.000.000
- Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến	Góp vốn	13.400.000.000

**Thu nhập của Ban giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị</b>		
Phạm Huy Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị	212.295.385	209.286.077
Đặng Thị Tuyết Lan - Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Vương Bảo Yên - Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Trần Thúy Loan - Thành viên HĐQT	24.000.000	14.000.000
Dương Quang Đông - Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Đức Thuận – Thành viên HĐQT		10.000.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

<b>Thu nhập của Ban Kiểm soát</b>		
Phạm Tuyết Nhung - Trưởng Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Thị Hạnh - Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Thị Mai - Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>		
Phạm Đình Trung - Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/06/2021)	125.258.769	-
Đặng Thị Tuyết Lan - Phó Tổng Giám đốc	122.295.385	119.286.077
Dương Quang Đông - Phó Tổng Giám đốc	104.295.385	101.286.077
<b>Cộng</b>	<b>708.144.924</b>	<b>573.858.231</b>

**2. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Kỳ kế toán 06 tháng năm 2021 đơn vị Hoạt động Trong nước. Do vậy Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Chỉ tiêu	Xây lắp	Bán hàng hóa	Không phân bổ	Tổng cộng toàn Công ty
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	320.744.048.298	562.747.047.150		883.491.095.448
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận				
	320.744.048.298	562.747.047.150		883.491.095.448
Giá vốn bộ phận	278.778.572.209	503.873.423.769		782.651.995.978
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	41.965.476.089	58.873.623.381	(18.817.979.904)	82.021.119.566
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản bộ phận	47.997.628.643	346.593.265.073	-	394.590.893.716
Tài sản không phân bổ	-	-	508.789.284.345	508.789.284.345
Tổng tài sản	47.997.628.643	346.593.265.073	508.789.284.345	903.380.178.061
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Nợ phải trả bộ phận	2.032.196.290	24.783.297.750	-	26.815.494.040
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	61.029.582.652	61.029.582.652
Tổng nợ phải trả	2.032.196.290	24.783.297.750	61.029.582.652	87.845.076.692

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**3. Công cụ tài chính**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

**3.1. Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	137.343.975.299	20.440.647.731
Phải thu khách hàng và phải thu khác	150.725.562.989	175.763.310.263
Đầu tư dài hạn	230.400.000.000	229.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>518.469.538.288</b>	<b>425.203.957.994</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	29.294.608.316	13.322.833.324
Phải trả người bán và phải trả khác	35.775.050.141	26.308.246.596
<b>Cộng</b>	<b>65.069.658.457</b>	<b>39.631.079.920</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**3.2. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**3.3. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

**3.3.1. Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**3.3.2 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

**3.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>			
Các khoản vay	27.654.100.008	1.640.508.308	29.294.608.316
Phải trả người bán và phải trả khác	35.775.050.141	-	35.775.050.141
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>63.429.150.149</b>	<b>1.640.508.308</b>	<b>65.069.658.457</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>			
Các khoản vay	12.870.000.008	452.833.316	13.322.833.324
Phải trả người bán và phải trả khác	26.308.246.596	-	26.308.246.596
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>39.178.246.604</b>	<b>452.833.316</b>	<b>39.631.079.920</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	137.343.975.299	-	137.343.975.299
Phải thu khách hàng và phải thu khác	150.725.562.989	-	150.725.562.989
Đầu tư dài hạn	-	230.400.000.000	230.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>288.069.538.288</b>	<b>230.400.000.000</b>	<b>518.469.538.288</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.440.647.731	-	20.440.647.731
Phải thu khách hàng và phải thu khác	175.763.310.263	-	175.763.310.263
Đầu tư dài hạn	-	229.000.000.000	229.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>196.203.957.994</b>	<b>229.000.000.000</b>	<b>425.203.957.994</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**4. Sự kiện phát sinh sau niên độ**

Theo quyết định của Hội đồng quản trị số 2001/2022/QĐ-HDQT của Công ty ngày 20/01/2022 về việc thoái vốn tại công ty cổ phần Golf Quốc Tế Quang Tiến. Ngày 24/01/2022 công ty đã hoàn thành việc thoái vốn tại công ty cổ phần Golf Quốc Tế Quang Tiến.

**5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt – Chi nhánh Miền Bắc Kiểm toán. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh lại phù hợp :

Tại thời điểm 01/01/2021				
	Mã số	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Số điều chỉnh Tăng(+)/Giảm(-)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>504.771.634.730</b>	<b>504.826.009.657</b>	<b>(54.374.927)</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>318.444.263</b>	<b>372.819.190</b>	<b>(54.374.927)</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2.001.212	56.376.139	(54.374.927)
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>279.191.075.403</b>	<b>279.136.700.476</b>	<b>54.374.927</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>229.000.000.000</b>	<b>229.000.000.000</b>	<b>-</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	178.000.000.000	229.000.000.000	(51.000.000.000)
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	51.000.000.000		51.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>54.374.927</b>	<b>-</b>	<b>54.374.927</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	54.374.927	-	54.374.927

**Chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2020

	Mã số	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Số điều chỉnh Tăng(+)/Giảm(-)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	566	612	(46)



Phạm Huy Thành  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 18 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thị Bích  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quyên  
Người lập biểu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ NĂM 2020**

- Theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 0906/2020/MBG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/06/2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn; Công ty đã thực hiện chào bán cổ phiếu với các nhà đầu tư chiến lược và đã hoàn thành việc chào bán thành công.
- Tổng số tiền huy động thành công từ đợt phát hành là 250.000.000.000 đồng. Kế hoạch sử dụng số tiền huy động thành công từ đợt phát hành: Mua nguyên vật liệu sản xuất thiết bị đèn, thiết bị chiếu sáng; Mua nguyên vật liệu sản xuất sơn; Mua sắm máy móc thiết bị; Mua vật tư, hàng hóa lĩnh vực thương mại.
- Phương án sử dụng vốn sau phát hành đã được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 0906/2020/MBG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/06/2020, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1208/2020/NQ-HĐQT ngày 12/08/2020 và điều chỉnh theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2807/NQ-HĐQT ngày 28/07/2021.
- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị nói trên, tổng số vốn thu được sau phát hành cổ phiếu (chưa trừ chi phí phát hành) được sử dụng cho các mục đích sau:

STT	Nội dung thanh toán	Kế hoạch	Thực hiện		Chênh lệch
			Giá trị tạm ứng theo hợp đồng	Giá trị đã hoàn thành theo hóa đơn, chứng từ	
1	Mua hạt led, mạch led, bóng led, chấn lưu, trụ đèn, máng, chao đèn... để sản xuất ra sản phẩm đèn, thiết bị chiếu sáng Maxxbau	70.000.000.000	70.000.000.000	73.144.318.748	(3.144.318.748)
2	Mua nguyên vật liệu sản xuất sơn: nhựa các loại, chất làm đặc, tạo màng, ti tan, bao bì vỏ thùng...	30.000.000.000	30.000.000.000	31.473.259.353	(1.473.259.353)
3	Mua máy pha màu, bồn sản xuất phối trộn, máy phân tán, máy nghiền ...	14.210.028.800	14.210.028.800	17.762.536.000	(3.552.507.200)
4	Mua vật tư, hàng hóa lĩnh vực thương mại như: Thép mạ màu, thép không gỉ, thép xây dựng...	135.789.971.200	135.789.971.200	159.701.754.205	(23.911.783.005)
<b>Cộng</b>		<b>250.000.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>282.081.868.306</b>	<b>(32.081.868.306)</b>

Phần chênh lệch giữa giá trị thực hiện và tổng số tiền thu được từ đợt phát hành được công ty bù đắp bằng các nguồn khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**Thuyết minh chi tiết tình hình sử dụng vốn như sau:**

**1) Chi mua nguyên vật liệu: hạt led, mạch led, bóng led, chấn lưu, trụ đèn, máng, chao đèn... .. để sản xuất ra sản phẩm đèn, thiết bị chiếu sáng Maxxbau của công ty.**

+ Theo kế hoạch : 70.000.000.000 VNĐ  
+ Đã chuyển tiền cho nhà cung cấp từ tài khoản Phong tỏa : 70.000.000.000 VNĐ  
+ Thực tế sử dụng : 73.144.318.748 VNĐ

( Trong đó: sử dụng từ nguồn tăng vốn: 70.000.000.000 VNĐ, sử dụng từ nguồn khác tại đơn vị: 3.144.318.748 VNĐ)

**2) Mua nguyên vật liệu sản xuất sơn: nhựa các loại, chất làm đặc, tạo màng, ti tan, bao bì vỏ thùng...**

+ Theo kế hoạch : 30.000.000.000 VNĐ  
+ Đã chuyển tiền cho nhà cung cấp từ tài khoản Phong tỏa : 30.000.000.000 VNĐ  
+ Thực tế sử dụng : 31.473.259.353 VNĐ

( Trong đó: sử dụng từ nguồn tăng vốn: 30.000.000.000 VNĐ, sử dụng từ nguồn khác tại đơn vị: 1.473.259.353 VNĐ)

**3) Triển khai Mua sắm tài sản, máy móc thiết bị : Máy pha màu tự động, bồn sản xuất phối trộn, máy phân tán, hệ thống máy nghiền rỗ...**

+ Theo kế hoạch : 14.210.028.800 VNĐ  
+ Đã chuyển tiền cho nhà cung cấp từ tài khoản Phong tỏa : 14.210.028.800 VNĐ  
+ Thực tế sử dụng : 17.762.536.000 VNĐ

( Trong đó: sử dụng từ nguồn tăng vốn: 14.210.028.800 VNĐ, sử dụng từ nguồn khác tại đơn vị: 3.552.507.200 VNĐ)

**4) Mua vật tư, hàng hóa lĩnh vực thương mại như: Thép mạ màu, thép không gỉ, thép xây dựng**

+ Theo kế hoạch : 135.789.971.200 VNĐ  
+ Đã chuyển tiền cho nhà cung cấp từ tài khoản Phong tỏa : 135.789.971.200 VNĐ  
+ Thực tế sử dụng : 159.701.754.205 VNĐ

( Trong đó: sử dụng từ nguồn tăng vốn 135.789.971.200 VNĐ, sử dụng từ nguồn khác tại đơn vị: 23.911.783.005 VNĐ)

Việc sử dụng vốn tăng thêm từ đợt tăng vốn này được công ty chi trả bằng chuyển khoản từ tài khoản phong tỏa của công ty cho các nhà cung cấp.

Như vậy, tổng tiền vốn từ đợt tăng thêm là 250.000.000.000 VNĐ đã được thu đủ trên tài khoản phong tỏa. Theo quy định, công ty đã thực hiện hoàn tất chi trả nhà cung cấp, mua nguyên vật liệu, vật tư, hàng hóa thương mại và mua sắm tài sản cố định theo kế hoạch sử dụng vốn đã được thông qua là: 250.000.000.000 VNĐ và phù hợp với nghị quyết đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị đã đề ra.

(Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ từ 430.952.000.000 đồng lên 680.952.000.000 đồng được thuyết minh chi tiết trong báo cáo số 0909/2021/BCV-KTV/HN ngày 17 tháng 09 năm 2021).





**Ha Noi Branch**

- ☉ Room 806, 1773 Building, Hoang Dao Thuy Road, Cau Giay Dist, Ha Noi City
- ☉ Tel: (84 - 24) 6285 9222
- ☉ Fax: (84 - 24) 6285 9111
- ☉ Email: [hanoi@vietlandaudit.com.vn](mailto:hanoi@vietlandaudit.com.vn)

**Kontum Representative Office**

- ☉ No.1 Tran Nhan Ton St., Thang Loi Ward, Kontum City, Kontum
- ☉ Tel: (84 - 260) 3958 111
- ☉ Fax: (84 - 260) 3958 222
- ☉ Email: [kontum@vietlandaudit.com.vn](mailto:kontum@vietlandaudit.com.vn)

**Nha Trang Representative Office**

- ☉ ACB Nha Trang Building, 3<sup>rd</sup> Fl., 80 Quang Trung St., Nha Trang City
- ☉ Tel: (84 - 258) 3522 767
- ☉ Fax: (84 - 258) 3522 795
- ☉ Email: [nhatrang@vietlandaudit.com.vn](mailto:nhatrang@vietlandaudit.com.vn)

**Binh Thuan Representative Office**

- ☉ 371 Tran Hung Dao, Phan Thiet City, Binh Thuan
- ☉ Tel: (84 - 252) 6250 237
- ☉ Fax: (84 - 252) 6250 236
- ☉ Email: [binhthuan@vietlandaudit.com.vn](mailto:binhthuan@vietlandaudit.com.vn)

**Vung Tau Representative Office**

- ☉ 34 Binh Gia St., Ward 8, Vung Tau City, BRVT
- ☉ Tel: (84 - 254) 3583 261
- ☉ Fax: (84 - 254) 3583 605
- ☉ Email: [vungtau@vietlandaudit.com.vn](mailto:vungtau@vietlandaudit.com.vn)

**Tien Giang Representative Office**

- ☉ 76 Rach Gam St., Ward 1, My Tho City, Tien Giang
- ☉ Tel: (84 - 273) 3978 484
- ☉ Fax: (84 - 273) 3978 485
- ☉ Email: [tiengiang@vietlandaudit.com.vn](mailto:tiengiang@vietlandaudit.com.vn)

**Kien Giang Reoresentative Office**

- ☉ Lot C13 - 50 Bui Van Ba Street, Quarter 4, Vinh Lac Ward, Rach Gia City, Kien Giang Province.
- ☉ Tel: (84 - 297) 3929 239
- ☉ Fax: (84 - 297) 3929 200
- ☉ Email: [kiengiang@vietlandaudit.com.vn](mailto:kiengiang@vietlandaudit.com.vn)

**Bac Lieu Representative Office**

- ☉ 200 Nguyen Van Linh St., (New Urban Area), Ward 1, Bac Lieu City.
- ☉ Tel: (84 - 291) 6255 022
- ☉ Fax: (84 - 291) 6255 052
- ☉ Email: [baclieu@vietlandaudit.com.vn](mailto:baclieu@vietlandaudit.com.vn)

**Ca Mau Representative Office**

- ☉ 113 Phan Ngoc Hien St., Ward 5, Ca Mau City
- ☉ Tel: (84 - 290) 3551 919
- ☉ Fax: (84 - 290) 3551 918
- ☉ Email: [camau@vietlandaudit.com.vn](mailto:camau@vietlandaudit.com.vn)

**Binh Dinh Representative Office**

- ☉ March 30<sup>th</sup> street, (Vinh Liem Area) Binh Dinh Ward, An Nhon Town, Binh Dinh Province.
- ☉ Tel: (84 - 256) 363 55 68
- ☉ Fax: (84 - 256) 363 55 68
- ☉ Email: [binhdinh@vietlandaudit.com.vn](mailto:binhdinh@vietlandaudit.com.vn)



Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2022

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc lập công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần tập đoàn MBG giải trình việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính năm 2021 biến động tăng hơn 10% so năm 2020. Cụ thể như sau:

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN Năm 2020: 28.730.934.966 đồng.
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN Năm 2021: 82.021.119.566 đồng.

Chênh lệch tăng 53.290.184.600 đồng tương đương với tỷ lệ tăng: 185,48% so với năm trước nguyên nhân do:



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	01	VI.1	883.491.095.448	717.236.303.543
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>883.491.095.448</b>	<b>717.236.303.543</b>
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	782.651.995.978	674.772.937.018
<b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>100.839.099.470</b>	<b>42.463.366.525</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.164.687.887	11.476.229
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	783.785.982	1.378.289.634
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		783.785.982	1.378.289.634
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.028.975.846	891.149.106
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	5.400.856.052	4.038.227.085
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>102.790.169.477</b>	<b>36.167.176.929</b>
10. Thu nhập khác	31		3	
11. Chi phí khác	32	VI.6	80.060.772	142.904.786
<b>12. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(80.060.769)</b>	<b>(142.904.786)</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>102.710.108.708</b>	<b>36.024.272.143</b>
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	20.688.989.142	7.293.337.177
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>82.021.119.566</b>	<b>28.730.934.966</b>
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.9	1.134	566

- Doanh thu bán hàng năm 2021 tăng so với năm 2020 là 166.254.791.905 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 23,18% do doanh nghiệp ký kết được nhiều hợp đồng kinh tế hơn so với năm trước.

- Giá vốn hàng bán năm 2021 tăng so với năm 2020 là 107.879.058960 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 15,98%. Tỷ lệ tăng giá vốn không tương ứng với tỷ lệ tăng doanh thu nên lợi nhuận trước thuế TNDN tăng so với năm trước.
- Doanh thu hoạt động tài chính 2021 tăng so với năm 2020 là 9.153.211.658 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 79758,01% do công ty thoái vốn thành công tại Công ty cổ phần Pjaca Group.
- Chi phí hoạt động tài chính năm 2021 giảm so với năm 2020 là 594.503.652 đồng tương đương với tỷ lệ giảm 43,13% do chi phí lãi vay giảm so với năm trước.

Trên đây là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của công ty.

Công ty cổ phần tập đoàn MBG cam kết nội dung trong công văn giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT, BTGD, BKS (b/c);
- CBTT (Website);
- Lưu HC, TCKT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Phạm Huy Thành*